

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về chủ trương đầu tư
Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông
tuyến Khuông Bình đi Dương Thành, xã Phước Thắng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 06/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 961/UBND-TC ngày 21/6/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Khuông Bình đi Dương Thành;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Phước Thắng tại Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 14/7/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 316/BC-PTCKH ngày 11/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Khuông Bình đi Dương Thành, xã Phước Thắng, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến Khuông Bình đi Dương Thành, xã Phước Thắng.

2. Chủ đầu tư: UBND xã Phước Thắng.

3. Địa điểm đầu tư: xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước.

4. Nhóm dự án: Nhóm C.

5. Mục tiêu đầu tư: Nhằm hoàn thiện hệ thống giao thông vận tải tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân, từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã Phước Thắng.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Quy mô, kết cấu và giải pháp thiết kế công trình:

- Tổng chiều dài tuyến đường xây dựng: $L = 2.156,18$ m.
- Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

6.2. Quy mô xây dựng tuyến đường:

- + Tốc độ thiết kế : $V = 30$ Km/h.
- + Bề rộng nền đường : $B_{nền} = 7,5$ m.
- + Bề rộng mặt đường : $B_{mặt} = 6,5$ m (mặt đường hiện trạng rộng 3m).
- + Bề rộng lề gia cố trái : $B_{lt} = 0,25$ m.
- + Bề rộng lề đất phải : $B_{lp} = 0,75$ m.
- Tải trọng trục thiết kế nền mặt đường: 10T.
- Tải trọng thiết kế cống : H30.

6.3. Quy mô xây dựng công trình thoát nước:

- Trên tuyến có 5 vị trí công ngang qua đường đã xuống cấp nên thiết kế thay mới bằng ống cống BTLT đường kính D800, tải trọng H30, cụ thể: Tại vị trí cọc 23, cọc 45, cọc D12; cọc 73 và cọc 105. Tường đầu, tường cánh, sân cống, mỗi nôi cống bằng BTXM M200 đá 2x4, đệm móng bằng lớp đá dăm 4x6 đầm chặt dày 10cm. Cống tại vị trí cọc 45; cọc 73 và cọc 105 xây dựng dàn đóng mở điều tiết nước bằng thép hình, máy đóng mở Vitme V1.

- Xây dựng đoạn công dọc đoạn từ cọc 108 đến cọc 111 và đoạn từ cọc 121 đến cọc 124 để dẫn nước tưới giữa các ruộng. Sử dụng tuyến cống BTLT đường kính D600, tải trọng H30. Hồ ga bằng BTXM M200 đá 2x4, đệm móng bằng lớp đá dăm 4x6 đầm chặt dày 10cm, tấm đan hồ ga bằng BTCT M200 đá 1x2.

- Thay thế các công ngang ở đường nhánh tại vị trí các cọc 116; cọc 132 và cọc 136 bằng ống cống BTLT đường kính D400, tải trọng H30. Tường đầu, tường cánh, sân cống, mỗi nôi cống bằng BTXM M200 đá 2x4, đệm móng bằng lớp đá dăm 4x6 đầm chặt dày 10cm.

6.4. Gia cố mái taluy:

Gia cố mái taluy bằng BTXM M200 đá 1x2 dày 12cm. Chân khay bằng BTXM M200 đá 2x4, kích thước $b \times h = (30 \times 30)$ cm cho khu vực giáp chân ruộng, kích thước $b \times h = (30 \times 50)$ cho khu vực giáp mương đất. Đệm móng bằng lớp đá dăm đầm chặt dày 10cm. Lỗ thoát nước bằng ống nhựa PVC đường kính 40mm, khoảng cách 2m/lỗ.

6.5. An toàn giao thông:

- Bố trí cọc tiêu, biển báo, cọc thủy chí đảm bảo an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư: 4.534.566.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB: 250.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 3.654.026.000 đồng;
- Chi phí QLDA: 110.498.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 296.868.000 đồng;
- Chi phí khác: 33.494.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 189.680.000 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện hỗ trợ 50% giá trị xây lắp, phần còn lại ngân sách xã Phước Thắng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Khả năng cân đối vốn: Theo kế hoạch bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 – 2023 (Triển khai công trình khi cân đối được nguồn vốn, kế hoạch vốn theo quy định).

Điều 2. Giao UBND xã Phước Thắng (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo nội dung nêu tại Điều 1 và đúng quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Thắng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam